

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HINH

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08/12/2021

V/v tranh chấp: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HINH, TỈNH PHÚ YÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hồng Thái;
2. Bà Bùi Thị Lùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mạ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh tham gia phiên tòa: Bà Lương Như Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021 về việc “Xin ly hôn”, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị H, sinh năm 1980; HKTT: PT, AL, TA Phú Yên; Tạm trú: Thôn T xã S, huyện SH1, tỉnh Phú Yên. Chỗ ở: Xóm M, khu phố T, thị trấn C, SH1, Phú Yên.

Bị đơn: Ông Huỳnh Hữu T, sinh năm 1970; HKTT: PT, AL, TA, Phú Yên; Nơi cư trú: Khu phố M1, thị trấn H, huyện SH, tỉnh Phú Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 03 tháng 6 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Mai Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà Mai Thị H và ông Huỳnh Hữu T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AL, huyện TA, tỉnh Phú Yên vào ngày 01/3/2000. Quá trình chung sống H thuận đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Từ đó đến nay mỗi người sống một nơi, có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai nữa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế vợ chồng đã không còn chung sống từ nhiều năm nay nên bà H khởi kiện xin ly hôn ông T.

Về con chung: Con đã trưởng thành trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên bà H không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Hữu T đã được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn không có mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hình phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm; xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập đầy đủ chứng cứ tài liệu cần thiết để giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ mà vẫn vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vi phạm thời hạn chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, chị H được ly hôn với anh T; về con chung, tài sản nguyên đơn không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/6/2016, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Bà Mai Thị H có đơn xin ly hôn ông Huỳnh Hữu T và cung cấp địa chỉ nơi cư trú của ông T tại khu phố M1, thị trấn H, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 41 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng dân sự: Bị đơn Huỳnh Hữu T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ theo quy định, nên căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AL, tuy nhiên do sơ xuất của cán bộ hộ tịch nên hai bản chính Giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã AL huyện TA, tỉnh Phú Yên cấp ngày 01/3/2000 không có chữ ký của bà H và ông T, là vi phạm thủ tục kết hôn quy định tại Điều 25 mục 2 Nghị định 83/1998/NĐ-CP ngày 10/10/1998 của Chính phủ về đăng ký hộ tịch:

“25. Lễ đăng ký kết hôn

Lễ đăng ký kết hôn được tổ chức trang trọng tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký. Đối với khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, điều kiện đi lại quá khó khăn, thì lễ đăng ký kết hôn có thể được tổ chức tại bản, làng.

Tại lễ đăng ký kết hôn, hai bên nam nữ phải có mặt, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã hỏi ý kiến lần cuối của hai bên, nếu hai bên vẫn đồng ý kết hôn với nhau, thì cán bộ hộ tịch tư pháp mời họ cùng ký tên vào Giấy chứng nhận kết hôn và Sổ đăng ký kết hôn.”

Theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 01/1988/NQ-HĐTP ngày 20/01/1988 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của luật Hôn nhân và gia đình 1986 “2. Trường hợp kết hôn vi phạm Điều 8:

Điều 8 quy định: "Việc kết hôn do UBND xã, phường, thị trấn nơi thường trú của một trong hai người kết hôn ghi nhận và ghi vào sổ kết hôn theo nghi thức do Nhà nước quy định..."

Trong thực tế vẫn có không ít trường hợp kết hôn không có đăng ký. Việc này tuy có vi phạm về thủ tục kết hôn nhưng không coi là việc kết hôn trái pháp luật, nếu việc kết hôn không trái với các điều 5, 6, 7. Trong những trường hợp này, nếu có một hoặc hai bên xin ly hôn, Tòa án không hủy việc kết hôn theo Điều 9 mà xử như việc xin ly hôn theo Điều 40.”

Vì vậy Hội đồng xét xử xem xét việc bà H xin ly hôn theo Điều 40 Luật Hôn nhân gia đình 1986 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Bà H trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không chung sống đã nhiều năm nay. Ông T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không có lời trình bày, tuy nhiên, chính quyền địa phương xác nhận, ông T sống một mình tại Sông Hình từ năm 2017 cho đến nay, là phù hợp với lời khai của bà H. Việc bà H và ông T không còn chung sống cùng nhau đã lâu, bà H xác định không còn tình cảm với ông T và đã chung sống với người đàn ông khác, là ông bà đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình:

“19. Tình nghĩa vợ chồng

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”.

Điều 40 Luật HNGĐ 1986: “Trong trường hợp một bên vợ hoặc chồng xin ly hôn, nếu hoà giải không thành thì Tòa án nhân dân xét xử. Nếu xét thấy tình T trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được thì Tòa án nhân dân xử cho ly hôn.”

Vì vậy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn ông Huỳnh Hữu T của bà Mai Thị H, theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Con đã trưởng thành trên 18 tuổi và có khả năng lao động, bà H không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà H phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Việc đề xuất giải quyết về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hình là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Điều 2 Nghị quyết số 01/1988/NQ-HĐTP ngày 20/01/1988 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của luật Hôn nhân và gia đình 1986;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Mai Thị H. Bà Mai Thị H được ly hôn ông Huỳnh Hữu T.

Về con chung và tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Mai Thị H phải chịu 300.000^d án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000^d tạm ứng án phí nộp trước tại biên lai thu tiền số 0004680 ngày 23/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An, bà H đã thi hành xong phần án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND h.Sông Hình;
- Các đương sự;
- UBND xã An Lĩnh, Tuy An;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Đông

